

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thông tin về Công ty**

Quyết định Thành lập

Quyết định số 192/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Đầu tư và Phát triển công nghệ Truyền hình Việt Nam thành Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Quyết định số 01/2006/QĐ-BBCVT ngày 4 tháng 1 năm 2006 của Bộ Bưu chính Viễn thông về việc thành lập Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Quyết định số 929/2010/QĐ-BTTTT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc chuyển công ty mẹ - Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0100110006

ngày 10 tháng 1 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100110006 ngày 15 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Lưu Vũ Hải
Ông Nguyễn Khả Dân
Ông Đàm Mỹ Nghiệp
Ông Nguyễn Vũ Tuấn
Bà Lê Việt Thương Huyền
Ông Nguyễn Xuân Cường
Bà Phùng Thị Thanh Phương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 31/3/2015)
Thành viên (đến ngày 30/4/2015)

Ban Giám đốc

Ông Đàm Mỹ Nghiệp
Ông Nguyễn Xuân Cường
Bà Phùng Thị Thanh Phương
Ông Lê Kinh Lộc
Ông Dương Thế Lương
Bà Lê Việt Thương Huyền

Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2015)
Tổng Giám đốc (đến ngày 31/3/2015)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2015)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/4/2015)

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

Các Chi nhánh

Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số
Công ty VTC Dịch vụ truyền hình số
Công ty VTC Giải trí đa phương tiện

Trụ sở đăng ký

Số 67B phố Hàm Long, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 8 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Đam Mỹ Nghiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2016 được trình bày từ trang 8 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

(i) Các số dư đầu kỳ và số liệu so sánh

Báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 của chúng tôi đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ do ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, được xác định là cần thiết nếu chúng tôi có thể thu thập được đầy đủ bằng chứng phù hợp về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các số dư tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải trả người bán với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 105.502 triệu VND, 7.630 triệu VND, 9.573 triệu VND và 64.357 triệu VND.

Do các số dư đầu kỳ hiện hành được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kiểm toán của chúng tôi về các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng có nội dung ngoại trừ do các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

(ii) Các số liệu tài chính liên quan tới Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC đã chia tách nhưng chưa quyết toán

Như được trình bày tại các Thuyết minh 1(d), 7, 10, 12 và 20(b) trong báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định số 1819/QĐ-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 3891/BTTTT-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông (“Bộ TTTT”), Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty trước kia, đã được quyết định chia tách khỏi Tổng Công ty để trở thành một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ TTTT kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014. Bên cạnh đó, hai đơn vị trực thuộc khác là Báo Thể thao và Trung tâm Truyền thông VTC cũng được tách khỏi Tổng Công ty và sáp nhập với Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC (sau đây gọi chung là “Đài THKTS”) kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Ngày 2 tháng 6 năm 2015, theo Quyết định số 752/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TTTT đã chuyển giao Đài THKTS về Đài Tiếng nói Việt Nam và đã ký biên bản bàn giao Đài THKTS tương ứng. Theo đó, số liệu tài sản, công nợ và nguồn vốn bàn giao cho Đài Tiếng nói Việt Nam sẽ được xác định căn cứ vào các chỉ tiêu tài chính liên quan tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 của Đài THKTS theo kết quả kiểm toán và quyết toán phê duyệt bởi Bộ TTTT.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù đã chính thức chia tách, nhưng do các bên chưa hoàn thiện các thủ tục xác định số liệu tài sản, công nợ được bàn giao liên quan đến việc chia tách này, các số liệu sau được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty mà các số liệu này chưa được Tổng Công ty, Bộ TTTT và Đài Tiếng nói Việt Nam thống nhất giá trị quyết toán:

- Tổng Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu khác trị giá 170.023 triệu VND từ Đài THKTS (1/1/2015: 159.209 triệu VND) (Thuyết minh 7);
- Tổng Công ty đã ghi giảm tài sản, nợ phải trả và lỗ lũy kế lần lượt là 267.742 triệu VND, 350.160 triệu VND và 82.418 triệu VND tương ứng với số tài sản, nợ phải trả và lỗ lũy kế của Đài THKTS tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (Thuyết minh 1(d));

- Tổng Công ty vẫn đang ghi nhận một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.779 triệu VND (1/1/2015: 19.779 triệu VND), mặc dù các tài sản này đã được chuyển giao cho Đài THKTS quản lý và sử dụng (Thuyết minh 10). Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao trong năm 2014 và 2015 cho các tài sản này; và
- Tổng Công ty đang ghi nhận các khoản vay có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.348.172 USD tương đương 221.503 triệu VND (1/1/2015: 10.348.172 USD tương đương 221.503 triệu VND) (Thuyết minh 20(b)) phát sinh để hình thành các tài sản thuộc dự án đầu tư có mục đích sử dụng cho Đài THKTS có giá trị là 261.189 triệu VND (Thuyết minh 12) do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Tổng Công ty tiếp tục theo dõi các khoản vay và tài sản tương ứng nhưng không thực hiện đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ này trong năm 2015 do các khoản vay này sẽ được chuyển cho Đài THKTS cùng với các tài sản liên quan.

Chúng tôi không thể thực hiện thủ tục kiểm toán cần thiết nào để thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về khả năng có thể thu hồi của khoản phải thu, tính đầy đủ và chính xác của việc ghi giảm tài sản, nợ phải trả và lỗ lũy kế và cũng như tính phù hợp của việc tiếp tục ghi nhận tài sản cố định và không đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ như nêu trên. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục phải thu khác, dự phòng phải thu khó đòi, các tài sản và nợ phải trả tương ứng, lỗ lũy kế, nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản cố định hữu hình, vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh này đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

(iii) Ghi nhận doanh thu và giá vốn dịch vụ truyền hình số

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(n)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong các năm trước, Tổng Công ty áp dụng chính sách kế toán ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình số thông qua hình thức bán các thẻ dịch vụ truyền hình số ngay khi Tổng Công ty hoàn tất việc xuất hóa đơn bán hàng và bàn giao thẻ dịch vụ truyền hình số cho khách hàng mặc dù dịch vụ chưa được cung cấp. Đồng thời, riêng trong năm 2014, Tổng Công ty cũng ước tính toàn bộ giá vốn tương ứng với phần doanh thu dịch vụ chưa được cung cấp nêu trên tại cuối năm tài chính và trích trước các chi phí này vào giá vốn hàng bán.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình số. Theo đó, doanh thu được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành kể từ khi các thẻ dịch vụ truyền hình số được kích hoạt, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác. Tuy nhiên việc thay đổi chính sách kế toán này chỉ được Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố.

Nếu Tổng Công ty áp dụng nhất quán việc ghi nhận doanh thu dịch vụ truyền hình theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành, và ghi nhận chi phí đúng kỳ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì doanh thu và giá vốn hàng bán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng lần lượt là 98.063 triệu VND và 29.053 triệu VND và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng 69.010 triệu VND. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, doanh thu và giá vốn hàng bán sẽ tăng và giảm tương ứng là 8.481 triệu VND và 29.053 triệu VND và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng là 37.534 triệu VND; đồng thời, chi phí phải trả và doanh thu chưa thực hiện sẽ giảm và tăng tương ứng là 29.053 triệu VND và 81.519 triệu VND, và lỗ lũy kế của Tổng Công ty sẽ tăng 52.466 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(iv) Doanh thu và giá vốn của hợp đồng dịch vụ đã thực hiện trong năm 2014 nhưng quyết toán trong năm 2015

Như được trình bày tại Thuyết minh 27 trong báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 03/HĐĐH ngày 14 tháng 3 năm 2009 với Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ TTTT (“Cục Phát thanh truyền hình”) về việc cung ứng dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, mặc dù một phần công việc thực hiện trong năm 2014 đã được Cục Phát thanh truyền hình nghiệm thu xác nhận, Tổng Công ty chưa ước tính và ghi nhận doanh thu tương ứng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do (i) đến ngày 20 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty và Cục Phát thanh truyền hình mới tiến hành xác nhận giá trị tạm tính trên biên bản nghiệm thu cho năm 2014 và (ii) Ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị quyết toán cuối cùng có thể khác với giá trị được nghiệm thu. Bên cạnh đó, các chi phí phát sinh trong năm 2014 do thực hiện hợp đồng này cũng chưa được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng.

Trong năm 2015, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh theo giá trị quyết toán cho phần công việc được thực hiện năm 2014 với giá trị đồng thời là 61.455 triệu VND. Doanh thu và giá vốn của phần công việc thực hiện trong năm 2015 cũng đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và Thu nhập khác, doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Đồng thời, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – Chuẩn mực chung, các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Nếu Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và chi phí theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, doanh thu cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán sẽ giảm đồng thời là 61.455 triệu VND, và doanh thu cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng tương ứng là 61.455 triệu VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-426-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016



Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2040-2013-007-1

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.225.888.957.087	1.318.784.588.986
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	281.216.280.305	316.826.155.043
Tiền	111		67.616.280.305	144.826.155.043
Các khoản tương đương tiền	112		213.600.000.000	172.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000	50.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000	50.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		632.224.933.738	502.177.118.753
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	396.295.129.661	279.813.397.966
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.158.229.156	42.929.104.524
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	271.038.771.616	219.314.868.989
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(55.455.569.677)	(39.880.252.726)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		188.372.982	-
Hàng tồn kho	140	9	281.823.863.234	485.341.544.276
Hàng tồn kho	141		301.906.569.845	505.143.349.653
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.082.706.611)	(19.801.805.377)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.573.879.810	14.389.770.914
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	16.037.002.616	4.955.334.852
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.087.441.185	9.284.213.974
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		449.436.009	150.222.088

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.020.016.887.484	1.828.780.793.652
Các khoản phải thu dài hạn	210		266.000.000	384.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		266.000.000	384.000.000
Tài sản cố định	220		1.688.102.852.244	1.735.852.393.362
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.680.348.415.393	1.735.481.819.706
Nguyên giá	222		2.216.232.575.193	2.173.826.031.570
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(535.884.159.800)	(438.344.211.864)
Tài sản cố định vô hình	227	11	7.754.436.851	370.573.656
Nguyên giá	228		12.941.059.297	2.241.820.714
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.186.622.446)	(1.871.247.058)
Tài sản dở dang dài hạn	240		299.466.288.014	50.168.881.393
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	299.466.288.014	50.168.881.393
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.545.418.006	3.545.418.006
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.545.418.006	3.545.418.006
Tài sản dài hạn khác	260		28.636.329.220	38.830.100.891
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	28.335.765.388	38.830.100.891
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		300.563.832	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.245.905.844.571	3.147.565.382.638

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.060.692.243.797	2.066.857.950.303
Nợ ngắn hạn	310		1.680.525.046.631	1.567.161.301.349
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	351.413.162.130	290.695.171.224
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		206.503.477.125	223.196.971.281
Thuế phải nộp Nhà nước	313		60.417.463.001	62.952.118.319
Phải trả người lao động	314		128.752.049.229	75.114.027.772
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	135.608.238.160	145.403.870.408
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18(a)	365.443.888.229	100.446.467.147
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	67.575.307.789	68.473.445.751
Vay ngắn hạn	320	20(a)	357.381.049.722	596.589.477.157
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21(a)	1.537.303.205	1.197.912.182
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.893.108.041	3.091.840.108
Nợ dài hạn	330		380.167.197.166	499.696.648.954
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18(b)	8.126.545.460	-
Phải trả dài hạn khác	337		1.171.640.513	1.171.640.513
Vay dài hạn	338	20(b)	360.008.318.560	487.657.005.497
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21(b)	10.860.692.633	10.868.002.944
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.185.213.600.774	1.080.707.432.335
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.185.213.600.774	1.080.707.432.335
Vốn góp	411	24	1.087.269.903.327	1.087.269.903.327
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	143.100.202.642	141.785.522.783
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.218.671.766	-
Lỗi lũy kế	421		(102.801.695.666)	(196.441.832.424)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(202.573.808.110)	(260.561.679.107)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99.772.112.444	64.119.846.683
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		21.751.588.548	21.751.588.548
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.674.930.157	26.342.250.101
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.245.905.844.571	3.147.565.382.638

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Tạ Thị Minh Hòa
Kế toán



Hoàng Lê Sơn
Kế toán trưởng

Đàm Mỹ Nghiệp
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.765.640.168.307	3.160.156.395.290
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.480.024.878	9.468.636.701
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	3.759.160.143.429	3.150.687.758.589
Giá vốn hàng bán	11	28	3.232.133.649.527	2.703.046.015.113
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		527.026.493.902	447.641.743.476
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.695.458.121	15.246.155.104
Chi phí tài chính	22	30	33.919.390.105	54.971.490.507
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.370.618.055	49.878.512.363
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		-	(10.200.000.000)
Chi phí bán hàng	25	31	98.255.565.181	84.723.512.964
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	279.656.570.093	254.474.801.801
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		125.890.426.644	58.518.093.308
Thu nhập khác		33	12.187.487.004	34.971.852.282
Chi phí khác		34	14.771.915.793	16.249.116.269
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.584.428.789)	18.722.736.013
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123.305.997.855	77.240.829.321
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	12.359.192.479	5.751.258.326
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(300.563.832)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		111.247.369.208	71.489.570.995
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		99.772.112.444	64.119.846.683
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.475.256.764	7.369.724.312

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Tạ Thị Minh Hòa
Kế toán



Hoàng Lê Sơn
Kế toán trưởng



Đàm Mỹ Nghiệp
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số thuế đã được khấu trừ VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
Thuế	10				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.170.031.335	400.632.459.575	(105.593.167.536)	(287.247.582.866)	18.961.740.508
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.438.911.066	(13.438.911.066)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	546.716.071	(546.716.071)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.410.306.792	12.359.192.479	(22.148.103.390)	-	19.621.395.881
Tiền thuê đất	2.250.153.500	6.177.742.448	(5.569.762.754)	-	2.858.133.194
Các loại thuế khác	16.977.056.179	40.763.703.610	(45.547.903.227)	-	12.192.856.562
- Thuế môn bài	-	22.000.000	(22.000.000)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	7.774.392.990	14.117.419.604	(14.386.697.999)	-	7.505.114.595
- Các loại thuế khác	9.202.663.189	26.624.284.006	(31.139.205.228)	-	4.687.741.967
Các khoản phải nộp khác					
- Các khoản nộp phạt	3.144.570.513	6.733.336.856	(3.094.570.513)	-	6.783.336.856
40	62.952.118.319	480.652.062.105	(195.939.134.557)	(287.247.582.866)	60.417.463.001

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:


 Tạ Thị Minh Hòa
 Kế toán

Người duyệt:


 Hoàng Lê Sơn
 Kế toán trưởng


 Đàm Mỹ Nghiệp
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	123.305.997.855	77.240.829.321
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	101.470.712.735	75.292.942.248
Các khoản dự phòng	03	20.021.252.041	29.566.784.745
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.267.433.601	3.806.816.325
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.103.859.452)	11.391.900.044
Gốc vay được xóa	05	-	(14.259.375.000)
Chi phí lãi vay	06	27.370.618.055	49.878.512.363
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	266.332.154.835	232.918.410.046
Biến động các khoản phải thu	09	(148.915.671.066)	(216.750.933.114)
Biến động hàng tồn kho	10	199.290.224.664	201.092.341.677
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	361.570.399.639	333.968.320.752
Biến động chi phí trả trước	12	(587.332.261)	(1.019.728.838)
		677.689.775.811	550.208.410.523
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.840.996.660)	(56.455.819.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.148.103.390)	(3.845.418.371)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.235.744.328)	(7.403.590.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	617.464.931.433	482.503.582.670
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(292.127.867.277)	(562.008.675.943)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	70.092.300	243.929.517
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	101.103.106.956
Tiền giảm do chia tách Đài THKTS		-	(15.366.256.923)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	9.141.335.316	5.065.741.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(282.916.439.661)	(470.962.155.021)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn của cổ đông thiếu số	31	120.000.000	-
Nhận cấp nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước		-	127.964.212.247
Tiền thu từ đi vay	33	2.223.804.805.789	1.879.363.636.623
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.590.702.836.911)	(1.847.062.522.719)
Trả cổ tức cho cổ đông thiếu số		(3.402.488.510)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(370.180.519.632)	160.265.326.151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(35.632.027.860)	171.806.753.800
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	316.826.155.043	145.125.929.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22.153.122	(106.528.202)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	281.216.280.305	316.826.155.043

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Tạ Thị Minh Hòa
Kế toán

Người duyệt:




Hoàng Lê Sơn
Kế toán trưởng

Đàm Mỹ Nghiệp
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên (“ Tổng Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Cấu trúc Tổng Công ty và các hoạt động chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các công ty con như sau:

		31/12/2015 và 1/1/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết
Tên các công ty con	Hoạt động chính	
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ truyền thông VTC	Cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, tư vấn đầu tư trong lĩnh vực phát thanh truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin.	100%
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	Cung cấp, kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông, và công nghệ thông tin; các dịch vụ truyền dẫn; dịch vụ truyền hình trên mạng viễn thông và kinh doanh thẻ điện thoại.	100%
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Đại lý, môi giới, đấu giá: dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông và internet; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Truyền thông VTC	Bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; lắp trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.	51%
Công ty Cổ phần Netviet Truyền thông Đa phương tiện	Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo, phim ảnh và phát hành phim ảnh.	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con có 1.551 nhân viên (1/1/2015: 1.417 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Chia tách Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC

Theo Quyết định số 1819/QĐ-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 3891/BTTTT-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông (“Bộ TTTT”), Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty trước kia, đã được quyết định chia tách khỏi Tổng Công ty để trở thành một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ TTTT kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014. Bên cạnh đó, hai đơn vị trực thuộc khác là Báo Thể thao và Trung tâm Truyền thông VTC cũng được tách khỏi Tổng Công ty và sáp nhập với Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC (sau đây gọi chung là “Đài THKTS”) kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Thực hiện quyết định chia tách này, Tổng Công ty đã tiến hành ghi giảm các tài sản, nợ phải trả và lỗ lũy kế tương ứng thuộc về Đài THKTS tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	1/1/2014 VND
Giảm tài sản:	
- Tiền	(11.006.434.907)
- Các khoản tương đương tiền	(4.359.822.016)
- Phải thu khách hàng	(158.209.822.972)
- Trả trước cho người bán	(1.927.009.042)
- Các khoản phải thu khác	(29.179.461.159)
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	2.513.570.143
- Hàng tồn kho	(12.962.222.963)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	(147.457.263)
- Tài sản ngắn hạn khác	(1.749.192.504)
- Tài sản cố định hữu hình	(49.566.837.838)
- Tài sản cố định vô hình	(133.908.309)
- Chi phí trả trước dài hạn	(1.013.304.109)
	(267.741.902.939)
Giảm nợ phải trả:	
- Vay và nợ ngắn hạn	7.324.875.509
- Phải trả người bán	116.861.835.479
- Người mua trả tiền trước	16.866.799.805
- Thuế và các khoản phải nộp	13.671.605.692
- Phải trả người lao động	10.727.697.898
- Chi phí phải trả	6.227.627.737
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	177.538.802.486
- Doanh thu chưa thực hiện	940.454.546
	350.159.699.152
- Giảm lỗ lũy kế	(82.417.796.213)
	267.741.902.939

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 2 tháng 6 năm 2015, theo Quyết định số 752/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TTTT đã chuyển giao Đài THKTS về Đài Tiếng nói Việt Nam và đã ký biên bản bàn giao Đài THKTS tương ứng. Theo đó, số liệu tài sản, công nợ và nguồn vốn bàn giao cho Đài Tiếng nói Việt Nam sẽ được xác định căn cứ vào các chỉ tiêu tài chính liên quan tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 của Đài THKTS theo kết quả kiểm toán và quyết toán phê duyệt bởi Bộ TTTT.

Tại ngày báo cáo này, các số liệu trên chưa được Tổng Công ty, Bộ TTTT và Đài Tiếng nói Việt Nam thống nhất giá trị quyết toán.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 200 và Thông tư 202 (Thuyết minh 38).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	2 – 6 năm
▪ thiết bị và phương tiện vận tải	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1,5 đến 3 năm.

(ii) Bản quyền phần mềm trò chơi

Bản quyền phần mềm trò chơi bao gồm quyền sử dụng các phần mềm trò chơi sử dụng cho mục đích kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn phát hành trò chơi quy định trên hợp đồng là từ 1,5 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê kênh

Chi phí tiền thuê kênh phát sóng được phân bổ theo giá trị hợp đồng trong thời gian cung cấp dịch vụ là 20 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ, trừ dịch vụ truyền hình số

Doanh thu cung cấp dịch vụ, trừ dịch vụ truyền hình số, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình số

Trong các năm trước, doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình số được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm thẻ sử dụng dịch vụ được bàn giao và hóa đơn được xuất cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ truyền hình số. Theo đó, doanh thu được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành kể từ khi các thẻ dịch vụ truyền hình số được kích hoạt. Việc thay đổi chính sách kế toán này được Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	2.867.005.265	13.000.902.943
Tiền gửi ngân hàng	64.749.275.040	131.825.252.100
Các khoản tương đương tiền	213.600.000.000	172.000.000.000
	281.216.280.305	316.826.155.043

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng Công ty Viễn Thông Quân đội Viettel -		
Chi nhánh Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội	98.541.707.425	26.450.732.763
Đài truyền hình Kỹ thuật số VTC	84.218.516.877	113.997.192.617
Cục Phát Thanh Truyền hình và Thông tin điện tử	49.941.665.589	-
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone -		
Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	17.822.202.300	21.679.991.100
Phải thu khách hàng khác	145.771.037.470	117.685.481.486
	396.295.129.661	279.813.397.966

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	1.526.297.200	-
Công ty Cổ phần Điện tử và Truyền hình cáp Việt Nam	149.250.000	155.170.000

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu Đài THKTS (*)	170.022.905.989	159.209.365.567
Dịch vụ hợp tác thanh toán	50.143.146.829	14.075.340.285
Phải thu thuế nhà thầu nước ngoài và giá trị hợp đồng mua tài sản theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	14.883.971.791	14.857.700.064
Kỹ quỹ, ký cược và đặt cọc hợp đồng dịch vụ	6.260.353.361	14.950.000.000
Phải thu các chi phí trả hộ các bên liên quan	4.339.463.359	-
Phải thu ủng hộ từ thiện	1.670.383.710	-
Giá trị đồng tiền điện tử Topup đã thanh toán nhưng chưa sử dụng	8.416.630.710	-
Tạm ứng cho nhân viên	12.163.304.435	13.136.566.305
Phải thu người lao động	-	305.780.717
Khác	3.138.611.432	2.780.116.051
	271.038.771.616	219.314.868.989

(*) Khoản phải thu này chưa được Tổng Công ty, Bộ TTTT và Đài THKTS quyết toán và thống nhất tại ngày lập báo cáo này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản phải thu khác có giá trị ghi sổ là 1.063 triệu VND (1/1/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi ngắn hạn

	Thời gian quá hạn (tháng)	31/12/2015			Thời gian quá hạn (tháng)	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quảng cáo Vạn Tín Anh Minh	trên 60 tháng từ 36 tháng đến 60 tháng	7.816.202.312	(7.816.202.312)	-	trên 60 tháng từ 24 tháng đến 48 tháng	7.568.928.320	(7.568.928.320)	-
Công ty TNHH MCT Motorcycle Công ty Cổ phần Tiếp thị và Truyền thông Anh Dương Quang	trên 60 tháng từ 12 tháng đến trên 60 tháng	12.783.333.333	(12.783.333.333)	-		12.783.333.333	(12.783.333.333)	-
Khác		4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	trên 60 tháng từ 12 tháng đến trên 60 tháng	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
		37.092.836.098	(30.856.034.032)	6.236.802.066		48.502.600.078	(15.527.991.073)	32.974.609.005
		61.692.371.743	(55.455.569.677)	6.236.802.066		72.854.861.731	(39.880.252.726)	32.974.609.005

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	8.322.138.507	-		
Nguyên vật liệu	6.593.418.751	(727.769.022)	241.487.999.318	(508.693.942)
Công cụ và dụng cụ	584.719.872	-	768.200.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	229.299.198.472	(7.181.259.895)	209.115.796.080	(7.181.259.895)
Hàng hóa	48.523.706.992	(4.837.195.397)	45.425.567.164	(4.775.369.243)
Hàng gửi đi bán	8.583.387.251	(7.336.482.297)	8.345.786.841	(7.336.482.297)
	301.906.569.845	(20.082.706.611)	505.143.349.653	(19.801.805.377)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 24.734 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2015: 19.961 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ quản lý VND	Thiết bị và phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	726.534.750.371	1.420.111.283.925	2.182.919.028	24.861.766.746	135.311.500	2.173.826.031.570
Tăng trong năm	-	36.142.636.687	1.619.790.610	3.777.541.818	-	41.539.969.115
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	-	1.589.532.083	-	-	-	-
Phân loại lại	(143.381.971)	(479.580.000)	143.381.971	479.580.000	-	1.589.532.083
Thanh lý và nhượng bán	-	(699.698.203)	(23.259.372)	-	-	(722.957.575)
Số dư cuối năm	726.391.368.400	1.456.664.174.492	3.922.832.237	29.118.888.564	135.311.500	2.216.232.575.193
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44.298.624.225	373.513.886.749	1.665.433.396	18.736.389.968	129.877.526	438.344.211.864
Khấu hao trong năm	18.141.839.524	76.575.006.798	446.980.498	2.991.510.527	-	98.155.337.347
Phân loại lại	(107.351.451)	(72.500.742)	107.351.451	72.500.742	-	-
Thanh lý và nhượng bán	-	(592.130.039)	(23.259.372)	-	-	(615.389.411)
Số dư cuối năm	62.333.112.298	449.424.262.766	2.196.505.973	21.800.401.237	129.877.526	535.884.159.800
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	682.236.126.146	1.046.597.397.176	517.485.632	6.125.376.778	5.433.974	1.735.481.819.706
Số dư cuối năm	664.058.256.102	1.007.239.911.726	1.726.326.264	7.318.487.327	5.433.974	1.680.348.415.393

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 257.283 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 217.152 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 666.272 triệu VND (1/1/2015: 1.129.412 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có giá trị còn lại là 19.779 triệu VND (1/1/2015: 19.779 triệu VND) đã được chuyển giao cho Đài THKTS quản lý và sử dụng. Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao cho các tài sản này kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND	Bản quyền VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.133.562.978	88.412.736	19.845.000	2.241.820.714
Tăng trong năm	746.725.778	-	-	746.725.778
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	9.952.512.805	-	-	9.952.512.805
Số dư cuối năm	12.832.801.561	88.412.736	19.845.000	12.941.059.297
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.787.116.321	64.285.737	19.845.000	1.871.247.058
Khấu hao trong năm	3.292.848.928	22.526.460	-	3.315.375.388
Số dư cuối năm	5.079.965.249	86.812.197	19.845.000	5.186.622.446
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	346.446.657	24.126.999	-	370.573.656
Số dư cuối năm	7.752.836.312	1.600.539	-	7.754.436.851

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.357 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.074 triệu VND).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	50.168.881.393	859.307.728.121
Tăng trong năm	266.036.074.536	574.513.877.515
Giảm khác	(5.196.623.027)	(5.379.910.171)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(1.589.532.083)	(1.378.272.814.072)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(9.952.512.805)	-
Số dư cuối năm	299.466.288.014	50.168.881.393

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thiết bị Trung tâm truyền thông đa phương tiện sử dụng vốn ODA	21.875.740.983	21.875.740.983
Dự án hiện đại hoá thiết bị trường quay bằng công nghệ cao (*)	261.188.638.368	17.923.301.714
Dự án Đầu tư nghiên cứu phát triển và ứng dụng hệ thống quản lý thuê bao	-	10.075.941.569
Dự án Nâng cao năng lực Trung tâm truyền thông đa phương tiện	914.136.354	85.489.655
Xây dựng cơ bản tòa nhà tại địa chỉ 23 Lạc Trung	15.446.863.218	167.498.381
Khác	40.909.091	40.909.091
	299.466.288.014	50.168.881.393

(*) Dự án hiện đại hoá thiết bị trường quay bằng công nghệ cao được đầu tư cho mục đích sử dụng bởi Đài THKTS. Do Tổng Công ty, Bộ TTTT và Đài THKTS chưa tiến hành bàn giao và hoàn tất quyết toán việc chuyển các tài sản này cho Đài THKTS quản lý và sử dụng, Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi các tài sản này như các tài sản thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 261.188 triệu VND (1/1/2015: 39.967 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 23.977 triệu VND (2014: 25.234 triệu VND).

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	31/12/2015 và 1/1/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Truyền hình (CTC)	Hà Nội	7,48%	2.245.418.006	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Cáp Vina	Hà Nội	8,67%	1.300.000.000	(*)
			3.545.418.006	(*)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí thuê kênh	1.319.000.000	1.818.181.818
Chi phí thuê hoạt động	1.842.539.783	1.120.178.013
Chi phí khuyến mại trên phân chia thẻ	2.830.525.267	-
Chi phí tư vấn	1.716.390.375	-
Chi phí bản quyền phần mềm trò chơi	7.225.861.489	-
Chi phí khác	1.102.685.702	2.016.975.021
	16.037.002.616	4.955.334.852

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Bản quyền phần mềm trò chơi VND	Chi phí thuê kênh VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm					
Tăng trong năm	4.737.196.899	17.280.416.610	10.560.000.000	6.252.487.382	38.830.100.891
Phân bổ trong năm	4.183.677.120	10.172.317.545	7.500.000.000	2.443.123.183	24.299.117.848
Giảm khác	(4.160.265.482)	(18.867.331.495)	(8.478.909.091)	(3.269.050.739)	(34.775.556.807)
	-	-	-	(17.896.544)	(17.896.544)
Số dư cuối năm	4.760.608.537	8.585.402.660	9.581.090.909	5.408.663.282	28.335.765.388

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	205.317.753.370	41.063.550.674	290.998.747.170	64.019.724.377

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2017	Chưa quyết toán	191.735.749.118
2018	Chưa quyết toán	13.582.004.252
		205.317.753.370

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Biến động các khoản lỗ tính thuế được khấu trừ, nhưng chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế được khấu trừ đầu năm	290.998.747.170	64.019.724.377
Lỗ tính thuế sử dụng trong năm	(85.680.993.800)	(18.849.818.636)
Ảnh hưởng do thay đổi thuế suất	-	(4.106.355.067)
Lỗ tính thuế được khấu trừ cuối năm	205.317.753.370	41.063.550.674

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH XD Dân dụng & CN Delta	23.612.390.783	22.754.139.496
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	42.290.582.175	24.048.214.376
Các nhà cung cấp khác	285.510.189.172	243.892.817.352
	351.413.162.130	290.695.171.224

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc số có khả năng trả nợ 31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	42.290.582.175	24.048.214.376

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2015 và 1/1/2015	
	Giá gốc	Số có khả
	VND	năng trả nợ
		VND
Công ty CP Sản xuất và PT Công nghiệp HN(IDC)	837.795.000	-
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	558.976.134	-
Ban QLDA Đầu tư hệ thống TBSXCTQC cho TTQC	555.430.911	-
Trung tâm kỹ thuật - Truyền hình Cấp Việt Nam	200.450.000	-
Các đối tượng khác	799.647.426	-
	2.952.299.471	-

Nợ quá hạn chưa thanh toán thể hiện các khoản nợ phải trả của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Truyền thông VTC, một công ty con của Tổng Công ty. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Truyền thông VTC có kế hoạch sẽ làm việc với các khách hàng và các nhà cung cấp để xử lý các công nợ phải thu và phải trả còn tồn đọng giữa các bên bao gồm số nợ quá hạn nêu trên.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay	43.714.496.619	52.184.875.224
Phải trả dịch vụ thanh toán trực tuyến	577.696.361	5.437.749.318
Chi phí quảng cáo trò chơi trực tuyến	1.537.424.267	-
Chi phí mua bản quyền phần mềm trò chơi	23.545.133.818	-
Chi phí thuê kênh và thuê đường truyền	24.505.460.688	11.086.422.568
Chi phí thuê vệ tinh và bản quyền phát kênh	-	26.675.500.000
Chi phí thiết bị lắp đặt cho nhà Quốc hội	1.065.883.504	13.939.665.794
Chi phí tri ân khách hàng	-	1.307.872.000
Chi phí sản xuất chương trình	146.868.658	1.610.667.248
Lương và thưởng	-	15.143.553.762
Phân bổ doanh thu trò chơi phải trả	38.342.932.050	12.150.540.758
Chi phí phải trả khác	2.172.342.195	5.867.023.736
	135.608.238.160	145.403.870.408

18. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Dịch vụ nội dung số	255.870.633.546	86.682.164.281
Dịch vụ truyền hình	95.021.103.345	13.764.302.866
Dịch vụ cho thuê vệ tinh	10.829.730.050	-
Dịch vụ cho thuê văn phòng	2.169.694.019	-
Dịch vụ khác	98.181.817	-
	363.989.342.777	100.446.467.147
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.454.545.452	-
	365.443.888.229	100.446.467.147

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Doanh thu chưa thực hiện -- dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Hạ tầng truyền dẫn phát sóng bằng vệ tinh	9.581.090.912	-
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(1.454.545.452)	-
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	8.126.545.460	-

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	4.455.564.011	3.701.654.200
Đảng phí	1.236.076.928	1.838.026.664
Khoản đền bù thiệt hại phải trả (*)	8.149.535.000	8.149.535.000
Chi phí phải trả để thực hiện từ các dịch vụ trực tuyến	24.546.208.901	29.018.518.788
Quỹ từ thiện thu hộ	4.057.592.002	-
Phải trả cá nhân	-	1.588.280.000
Lãi vay phải trả	5.583.747.674	5.317.422.306
Quỹ viễn thông công ích	7.379.935.090	10.412.435.296
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	24.000.000
Phải trả ngân hàng từ dịch vụ thẻ tín dụng	2.657.204.512	-
Khác	9.509.443.671	8.423.573.497
	67.575.307.789	68.473.445.751

(*) Khoản đền bù thể hiện nghĩa vụ phải trả cho Đài Phát thanh truyền hình Tỉnh Nam Định do gãy cột ăng ten phát hình.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	544.992.815.123		2.223.804.805.789	(2.459.866.001.235)	308.931.619.677	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	51.596.662.034		33.180.003.630	(36.327.235.619)	48.449.430.045	
	596.589.477.157		2.256.984.809.419	(2.496.193.236.854)	357.381.049.722	

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (a)	VND	4,9% - 6,5%	133.176.744.412	135.954.895.009
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	VND	5,3% - 8,2%	58.778.443.172	142.357.702.131
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (c)	VND	8% - 9,5%	12.293.466.758	18.272.700.168
Ngân hàng TMCP Quân Đội (d)	VND	4,8% - 9,4%	27.440.696.239	162.614.785.377
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	8,5%	-	5.663.690.000
Các cá nhân (e)	VND	6% - 10%	77.242.269.096	80.129.042.438
			308.931.619.677	544.992.815.123

Các khoản vay ngắn hạn (a), (b), (c) và (d) cùng với các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng này (Thuyết minh 20(b)) được thế chấp bằng một số tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang và khoản kí quỹ có giá trị còn lại và giá trị ghi sổ lần lượt là 116.577 triệu VND, 261.188 triệu VND và 1.063 triệu VND (1/1/2015: 572.700 triệu VND, 39.800 triệu VND và 0 VND) (Thuyết minh 7, 10 và 12).

Khoản vay (e) từ các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (a)	VND	10%	2017	3.574.936.364	68.904.550.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	VND	10%	2017	-	7.798.315.719
Ngân hàng TMCP Quân Đội (d)	USD	1,95%	2025	221.502.612.241	221.502.612.241
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (f)	VND	9,2% - 10,5%	2021	530.200.000	52.387.931.794
	VND	9,6%	2018	182.850.000.000	188.660.257.777
				408.457.748.605	539.253.667.531
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(48.449.430.045)	(51.596.662.034)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				360.008.318.560	487.657.005.497

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b) có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.348.172 USD tương đương 221.503 triệu VND (1/1/2015: 10.348.172 USD tương đương 221.503 triệu VND) phát sinh để hình thành các tài sản thuộc dự án đầu tư có mục đích sử dụng cho Đài THKTS có giá trị là 261.189 triệu VND (Thuyết minh 12) do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Tổng Công ty không thực hiện đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ này trong năm 2015 do các khoản vay này sẽ được chuyển cho Đài THKTS theo giá trị nguyên tệ cùng với các tài sản liên quan.

Các khoản vay dài hạn (a), (b) và (d) cùng với các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng này (Thuyết minh 20(a)) được thế chấp bằng một số tài sản như đã được trình bày tại Thuyết minh 20(a) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khoản vay (f) từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định có trị còn lại là 549.695 triệu VND (1/1/2015: 556.712 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của các khoản dự phòng bảo hành ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số đầu năm		
Chuyển sang dự phòng dài hạn	1.197.912.182	2.301.650.505
Tăng trong năm	-	(278.944.000)
Sử dụng trong năm	3.531.267.266	3.612.168.193
Hoàn nhập trong năm	(3.191.876.243)	-
	-	(4.436.962.516)
Số dư cuối năm	1.537.303.205	1.197.912.182

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng bảo hành dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số đầu năm		
Phân loại lại từ dự phòng ngắn hạn	10.868.002.944	-
Tăng trong năm	-	278.944.000
Sử dụng trong năm	-	10.743.058.944
Hoàn nhập trong năm	(7.310.311)	-
	-	(154.000.000)
Số dư cuối năm	10.860.692.633	10.868.002.944

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Hội đồng Thành viên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.091.840.108	10.410.424.037
Tăng trong năm	4.152.824.520	85.006.101
Sử dụng trong năm	(2.172.940.128)	(7.403.590.030)
Biến động khác	821.383.541	-
Số dư cuối năm	<u>5.893.108.041</u>	<u>3.091.840.108</u>

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2014	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
– chưa kiểm toán	325.549.007.773	1.364.307.781	66.792.248.269	20.983.787.642	-	(340.426.000.737)	708.995.748.715	22.507.072.408	805.766.171.851
Điều chuyển nguồn vốn và các quỹ									
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	761.720.895.554	-	74.298.327.616	(20.810.850.756)	-	-	(815.208.372.414)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	127.964.212.247	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	64.119.846.683	-	-	127.964.212.247
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(85.006.101)	-	7.369.724.312	71.489.570.995
Chia cổ tức	-	-	153.811.031	322.716.823	-	(476.527.854)	-	-	(85.006.101)
Giảm lỗ lũy kế của Đài THKTS (Thuyết minh I(d))	-	-	-	-	-	-	-	(1.536.984.153)	(1.536.984.153)
Biến động khác	-	(1.364.307.781)	68.815.566	(23.333.408)	-	82.417.796.213 (1.991.940.628)	-	-	82.417.796.213 (5.308.328.717)
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.087.269.903.327	-	141.313.202.482	472.320.301	-	(196.441.832.424)	21.751.588.548	26.342.250.101	1.080.707.432.335
– đã báo cáo trước đây	-	-	472.320.301	(472.320.301)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	1.087.269.903.327	-	141.785.522.783	-	-	(196.441.832.424)	21.751.588.548	26.342.250.101	1.080.707.432.335
– đã phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm									
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	120.000.000	120.000.000
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	99.772.112.444	-	11.475.256.764	111.247.369.208
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	1.346.710.001	-	-	(2.725.658.467)	-	(1.427.166.053)	(4.152.824.520)
Sử dụng các quỹ	-	-	(32.030.142)	-	2.218.671.766	(3.565.381.767)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(30.774.058)	(30.774.058)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(3.402.488.510)	(3.402.488.510)
Biến động khác	-	-	-	-	-	159.064.548	-	1.575.000.000	1.575.000.000
								(977.148.087)	(818.083.539)
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.087.269.903.327	-	143.100.202.642	-	2.218.671.766	(102.801.695.666)	21.751.588.548	33.674.930.157	1.185.213.600.774

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty là:

	Được duyệt		Đã góp (*)	
	Nghìn VND	%	Nghìn VND	%
Bộ Thông tin và Truyền thông	1.500.000.000	100%	1.087.269.903	72%

- (*) Vốn điều lệ đã góp chưa bao gồm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Ngân sách Nhà nước cấp nhưng chưa được điều chuyển sang vốn góp do công trình xây dựng tương ứng chưa được quyết toán.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn góp.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	4.572.740.000	15.010.382.616
Trong vòng hai đến năm năm	10.592.090.000	1.678.533.333
	15.164.830.000	16.688.915.949

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.461.365	32.775.345.200	471.703	10.081.708.219
EUR	3.628	91.297.345	1.305	33.687.270
GBP	150	4.977.115	150	4.960.200
		32.871.619.660		10.120.355.689

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	2015 VND	2014 VND
Công ty Xây dựng cơ bản	Khả năng thu hồi thấp	2009	12.193.461.664	12.193.461.664
Các công ty khác	Khả năng thu hồi thấp	2012	2.827.175.810	2.827.175.810
			15.020.637.474	15.020.637.474

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	780.288.436.811	1.016.298.457.863
▪ Cung cấp dịch vụ (*)	2.930.103.726.184	2.111.176.811.501
▪ Hợp đồng xây dựng	55.248.005.312	32.681.125.926
	3.765.640.168.307	3.160.156.395.290
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(9.468.636.701)
▪ Giảm giá dịch vụ	(6.480.024.878)	-
	(6.480.024.878)	(9.468.636.701)
Doanh thu thuần	3.759.160.143.429	3.150.687.758.589

- (*) Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 03/HĐĐH ngày 14 tháng 3 năm 2009 với Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ TTTT (“Cục Phát thanh truyền hình”) về việc cung ứng dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, mặc dù một phần công việc thực hiện trong năm 2014 đã được Cục Phát thanh truyền hình nghiệm thu xác nhận, Tổng Công ty chưa ước tính và ghi nhận doanh thu tương ứng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do (i) đến ngày 20 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty và Cục Phát thanh truyền hình mới tiến hành xác nhận giá trị tạm tính trên biên bản nghiệm thu cho năm 2014 và (ii) Ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị quyết toán cuối cùng có thể khác với giá trị được nghiệm thu. Bên cạnh đó, các chi phí phát sinh trong năm 2014 do thực hiện hợp đồng này cũng chưa được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong năm 2015, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh theo giá trị quyết toán cho phần công việc được thực hiện năm 2014 với giá trị đồng thời là 61.455 triệu VND. Doanh thu và giá vốn của phần công việc thực hiện trong năm 2015 cũng đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

28. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	760.989.527.709	979.831.672.243
▪ Dịch vụ đã cung ứng	2.422.001.283.874	1.693.406.083.274
▪ Hợp đồng xây dựng	44.583.300.854	14.155.850.571
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.028.269.824	5.888.144.404
▪ Dự phòng bảo hành công trình	3.531.267.266	9.764.264.621
	3.232.133.649.527	2.703.046.015.113

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	9.046.672.316	4.947.303.362
Cổ tức được chia	94.663.000	118.438.010
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.550.130.284	560.846.847
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	38.559.744
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.992.521	9.581.007.141
	10.695.458.121	15.246.155.104

30. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	27.370.618.055	49.878.512.363
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.154.953.498	1.247.602.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.267.433.601	3.845.376.069
Khác	126.384.951	-
	33.919.390.105	54.971.490.507

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	43.427.917.634	35.621.454.124
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.039.287.934	902.825.148
Chi phí quảng cáo	15.654.099.026	14.232.476.143
Chi phí bảo hành sản phẩm	3.604.672.851	3.711.037.807
Chi phí văn phòng	4.529.605.400	4.252.434.242
Chi phí vận chuyển	3.949.981.283	3.122.476.922
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	1.271.263.236	898.327.116
Chi phí công tác, tiếp khách và tổ chức hội nghị	9.353.475.501	7.434.925.716
Chi phí thuê cột trạm và đầu thu	2.043.780.427	2.002.154.147
Chi phí khác	13.381.481.889	12.545.401.599
	98.255.565.181	84.723.512.964

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	137.922.974.670	127.502.729.998
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.694.462.367	29.957.692.968
Chi phí công tác, tiếp khách và tổ chức hội nghị	26.428.879.941	19.323.486.909
Chi phí trích lập dự phòng	15.461.714.951	13.914.375.720
Chi phí văn phòng	21.980.547.716	19.323.555.698
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	1.475.449.900	828.166.352
Chi phí thuê đất và đường kênh	17.490.291.999	16.233.147.676
Chi phí khác	26.202.248.549	27.391.646.480
	279.656.570.093	254.474.801.801

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	-	243.929.517
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	251.800.000	271.914.322
Giảm lãi vay do được miễn nghĩa vụ thanh toán	8.936.402.250	-
Đối tác đền bù thiệt hại công trình	-	4.222.000.000
Giảm gốc vay do được miễn nghĩa vụ thanh toán	-	14.259.375.000
Giảm phải trả do được miễn nghĩa vụ thanh toán	1.753.515.728	13.181.728.000
Thu nhập khác	1.245.769.026	2.792.905.443
	12.187.487.004	34.971.852.282

34. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	37.475.864	265.731.245
Trả tiền bồi thường thiệt hại cho Đài Phát thanh		
Truyền hình Tỉnh Nam Định	528.087.451	8.757.048.000
Các khoản phạt về thuế	12.674.763.862	2.766.192.851
Khác	1.531.588.616	4.460.144.173
	14.771.915.793	16.249.116.269

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.107.625.620.660	1.952.203.766.508
Chi phí nhân viên	364.268.150.949	334.203.058.376
Chi phí khấu hao	101.470.712.735	75.292.942.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.840.090.666	925.842.102.150
Chi phí khác	117.661.691.565	114.469.758.380

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	12.131.581.836	5.751.258.326
Dự phòng thiếu trong những năm trước	227.610.643	-
	12.359.192.479	5.751.258.326
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(300.563.832)	-
	12.058.628.647	5.751.258.326

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.305.997.855	77.240.829.321
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	27.127.319.528	16.992.982.451
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	30.056.383	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.693.491.438	767.846.215
Thu nhập không bị tính thuế	(170.030.709)	(26.056.362)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(18.849.818.636)	(12.920.634.789)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	937.120.811
Dự phòng thiếu trong những năm trước	227.610.643	-
	12.058.628.647	5.751.258.326

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.